TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 02 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thủy T, sinh năm 2003; CCCD số 038303010 …; địa chỉ: Tổ dân phố …, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Đức A, sinh năm 1999; CCCD số 038099016 …; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thủy T và anh Bùi Đức A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị Trịnh Thị Thủy T và anh Bùi Đức A có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Diệu L, sinh ngày 06/8/2023 và cháu Bùi Ngọc Minh C, sinh ngày 10/01/2025; chị Trịnh Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Minh C; anh Bùi Đức A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Diệu L; chị

Trịnh Thị Thủy T và anh Bùi Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con con chung không bên nào được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trịnh Thị Thủy T và anh Bùi Đức A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Trịnh Thị Thủy T và anh Bùi Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Trịnh Thị Thủy T tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000245 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Thanh Hóa; hoàn trả cho chị Trịnh Thị Thủy T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành (Ngày 03/02/2026) và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- CQ thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng